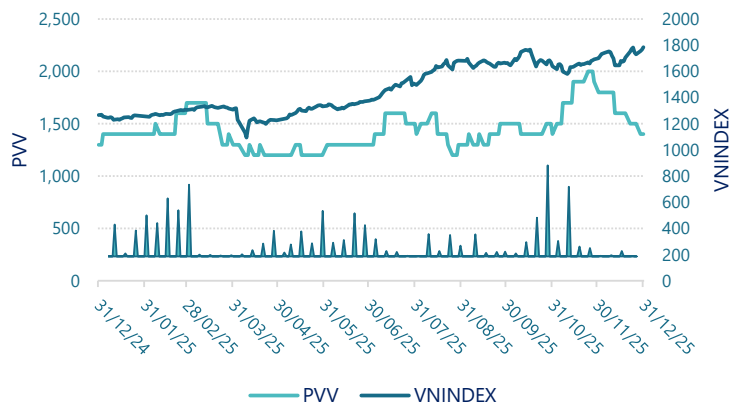


CTCP Vinaconex 39 (UPCOM: PVV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,640
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
P/E	0.4
EPS	3,547

DT thuần

Q4/25

5.64

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.21 | 27.3%

YoY: ▼ 0.02 | -0.4%

LN sau thuế

Q4/25

-14.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 214 | -107%

YoY: ▼ 0.70 | -5.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1842%

+/- YoY: ▲ 1882%

DT thuần

2025

18.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.30 | 29.9%

LN sau thuế

2025

104

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 137 | 418%

ROE

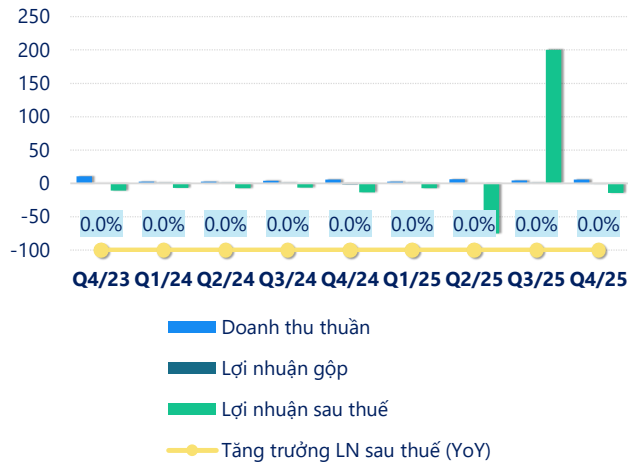
2025

-136%

+/- YoY: ▼ 164%

tỷ VNĐ

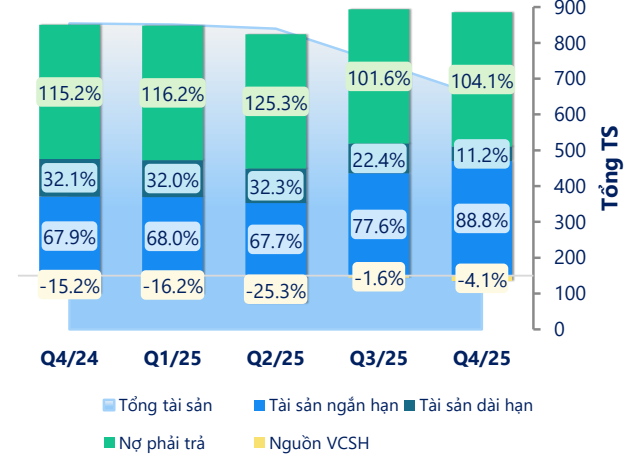
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

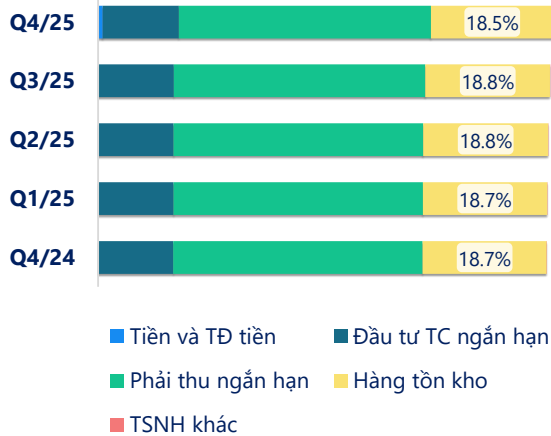
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



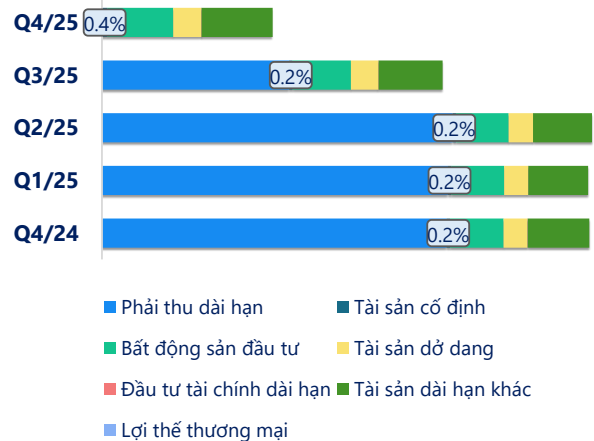
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

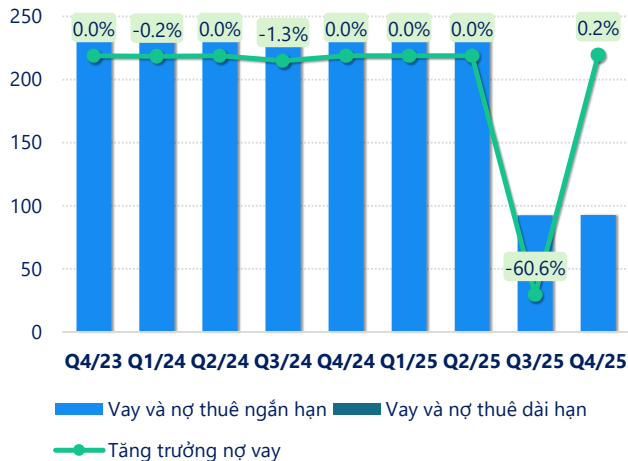
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

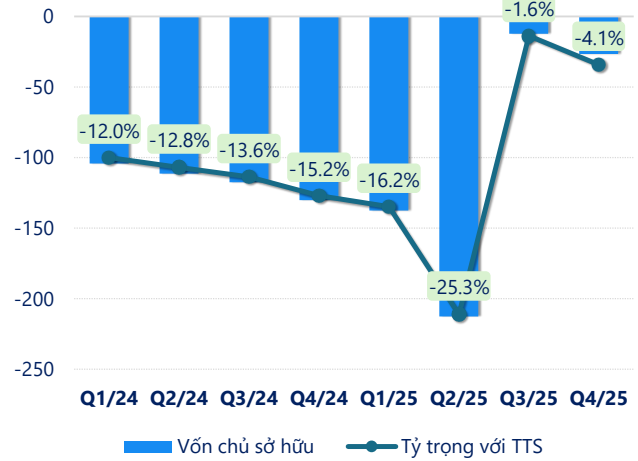
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

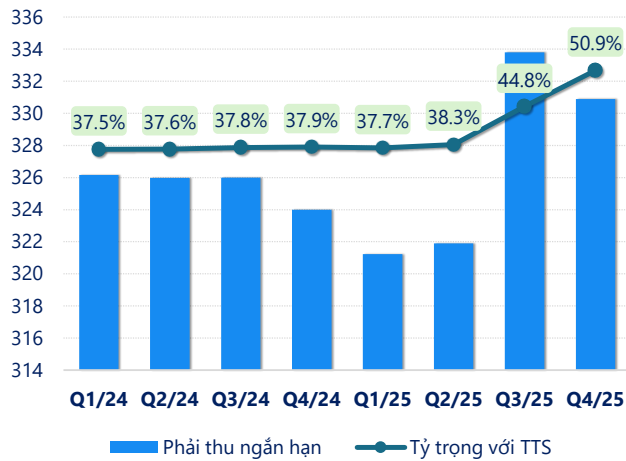
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



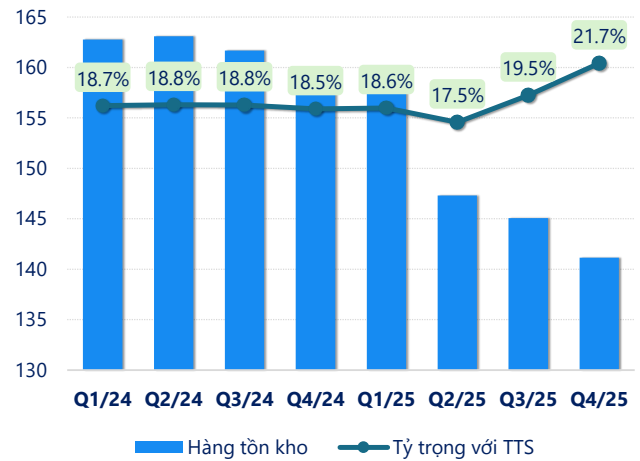
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


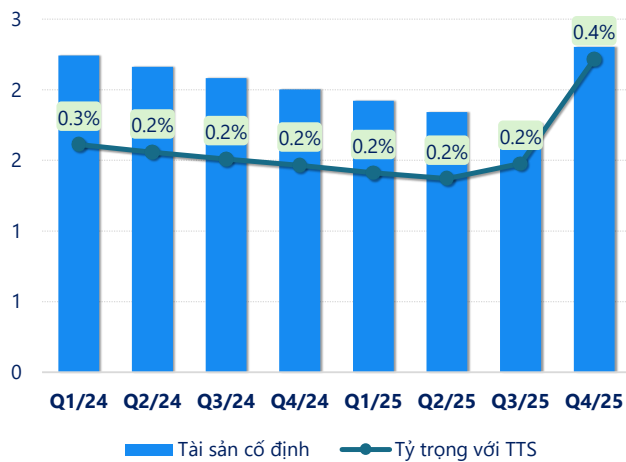
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


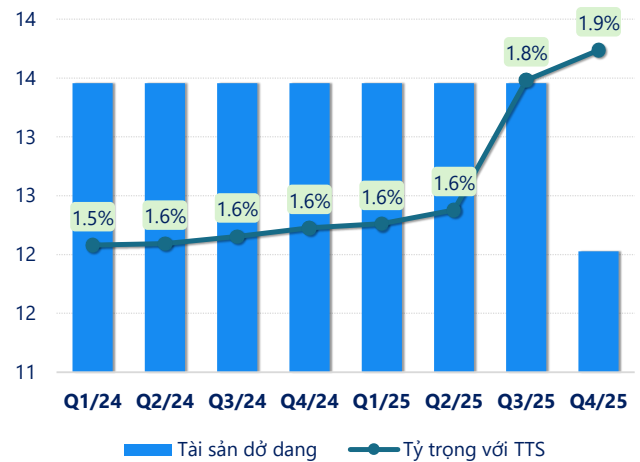
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

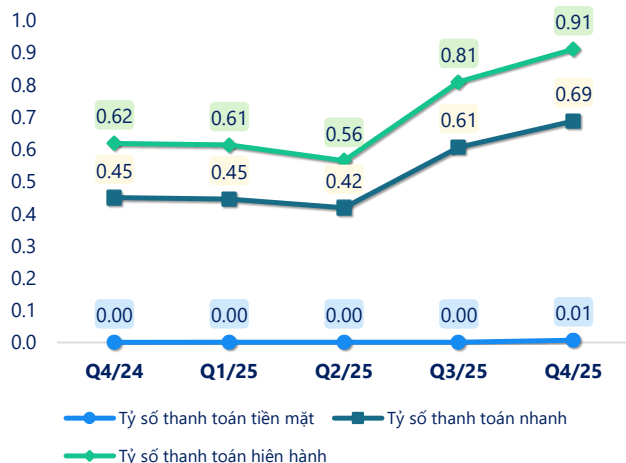
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	854	851	839	746	650
Tài sản ngắn hạn	580	579	569	578	577
Tiền và tương đương tiền	0.55	0.84	0.72	0.44	4.49
Đầu tư tài chính ngắn hạn	97.8	98.6	98.8	98.1	99.4
Phải thu ngắn hạn	324	321	322	334	331
Hàng tồn kho	158	158	147	145	141
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.00	0.00	0.97	0.67
Tài sản dài hạn	274	272	271	167	73.0
Phải thu dài hạn	194	194	194	91.8	0
Tài sản cố định	2.00	1.92	1.84	1.76	2.30
Bất động sản đầu tư	30.1	29.6	29.2	28.7	28.2
Tài sản dở dang	13.5	13.5	13.5	13.5	12.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Tài sản dài hạn khác	34.7	33.6	32.5	31.5	30.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	985	989	1,052	758	676
Nợ ngắn hạn	938	944	1,007	714	633
Vay và nợ thuê ngắn hạn	234	234	234	92.4	92.6
Phải trả người bán ngắn hạn	137	136	136	136	137
Nợ dài hạn	46.3	45.0	44.8	43.6	43.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	-130	-138	-213	-12.3	-26.6
Vốn chủ sở hữu	-130	-138	-213	-12.3	-26.6
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)